

Nội dung bài viết

1. [Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 9: The Post Office](#)
  1. [A. Reading trang 64 - 65 - 66 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
  2. [B. Language Focus trang 67 - 68 - 69 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
  3. [C. Speaking trang 69 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
  4. [D. Writing trang 69 - 70 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)

### Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 9: The Post Office

A. Reading trang 64 - 65 - 66 SBT Tiếng Anh lớp 11

**Part 1.** Read the passage and choose the best option A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions. (Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để chọn câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi *sau*.)

#### Hướng dẫn dịch:

Khi bạn có một hộp thư bưu điện, người đưa thư không mang thư đến cho bạn, mà bạn phải đi đến bưu điện và nhận thư từ và bưu kiện của bạn từ hộp của bạn. Hộp được khóa, và bạn có chìa khoá, vì vậy các bức thư khá an toàn.

Một hôm, hiệu trưởng của một trường đã viết thư cho bưu điện và yêu cầu đặt một hộp bưu điện cho trường của ông. Ông ấy sớm nhận được lời hồi đáp. Họ nói, "*Chúng* tôi sẽ cung cấp cho ngài một hộp thư bưu điện trong vòng một tháng nữa."

Ba tháng *sau*, hiệu trưởng viết cho bưu điện một lần nữa và nói, "Tại sao *chúng* tôi vẫn chưa có hộp bưu điện?"

Đây là cách bưu điện trả lời:

"Xin chào Ngài,

*Chúng* tôi đã đưa cho ngài hộp thư bưu điện hai tháng *trước* và đã viết cho ngài *sau đó* để cho ngài biết. Đây là chìa khoá cho hộp thư của ngài. Ngài sẽ tìm thấy lá thư của *chúng* tôi viết cho ngài trong đó."

#### Đáp án:

1. D 2. C 3. B 4. A 5. A

**Part 2.** Read the passage and choose the best option A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions. (Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để chỉ ra câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây.)

### Hướng dẫn dịch:

Người dùng máy tính nói rất nhiều về sự cần thiết cho người khác để trở thành "người biết biết về máy vi tính". Nhưng không phải tất cả các chuyên gia đồng ý rằng đây là một ý tưởng tốt.

Cụ thể, một người tiên phong, người mà không đồng ý là David Tebbutt, người sáng lập của Computer town UK. Mặc dù nhiều người coi đây là một nỗ lực thành công để đưa mọi người đến gần máy tính hơn, nhưng David không nhìn thấy nó theo cách đó. Ông nói rằng Computer Town ở Anh được thành lập vì lý do đối lập, đưa máy tính đến với mọi người và làm cho họ trở thành "người biết chữ".

David Tebbutt cho rằng Computer Town thành công nhất khi gắn bó với một câu lạc bộ máy tính nhưng ông khẳng định có một sự khác biệt quan trọng giữa hai người. Các câu lạc bộ dành cho những người có kiến thức về máy tính. Điều này làm cho các chuyên gia không khỏi sợ hãi, những người sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn khi đến các thị trấn máy tính nơi có máy tính để họ thử nghiệm với các chuyên gia để khuyến khích họ và trả lời bất kỳ câu hỏi nào họ có. Họ không được nói phải làm gì, mà họ phát hiện ra nó. Các chuyên gia máy tính phải học cách không nói với mọi người về máy tính, nhưng phải có khả năng trả lời tất cả các câu hỏi mà mọi người yêu cầu. Mọi người không phải học các thuật ngữ máy tính, nhưng các chuyên gia phải giải thích bằng ngôn ngữ đơn giản. Các máy tính đang trở thành "người biết chữ".

### Đáp án:

1. A 2. D 3. B 4. D

B. Language Focus trang 67 - 68 - 69 SBT Tiếng Anh lớp 11

### Exercise 1.

**A.** Below are the transcriptions of some words. Write the orthographic forms of the words. (Dưới đây là phiên âm của 1 số từ. Viết dạng đúng của các từ đó.)

### Đáp án:

1. scarce

2. squeeze

3. speciality
4. stomach
5. spacious
6. standard
7. skyscraper
8. spoil

**B.** Practise reading the following sentences. (Thực hành đọc những câu **sau**.)

1. Stanley asked his son to stop making speeches at school.
2. I can't stand people speaking ill of me.
3. From dawn to dusk, he spends his time speculating the best score he could have made.
4. The man with a scar on his face standing next to me has just caused a scandal.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Stanley yêu cầu con trai mình ngừng diễn thuyết ở trường.
2. Tôi không thể chịu được những người nói xấu về tôi.
3. Từ sáng sớm đến tối, anh dành thời gian suy đoán về số điểm tốt nhất anh có thể làm.
4. Người đàn ông với vết **sẹo** trên mặt đứng bên cạnh tôi vừa mới gây ra một vụ bê bối.

**Exercise 2.** Join the sentences, using "whose". (Nối các câu sử dụng "whose".)

**Đáp án:**

1. There was a tall man at the funeral whose wife could not come because she was ill.
2. There was a journalist there whose work took her to lots of different countries.
3. I met a lot of new people at the party whose names I can't remember.
4. I talked to a woman whose car had broken down on the way to the party.
5. I was introduced to a man whose brother I had seen on television the evening before.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Có một người đàn ông cao lớn ở đám tang mà vợ không thể đến vì cô ấy bị bệnh.
2. Có một nhà báo ở đó nắm giữ công việc đưa cô ấy đến nhiều quốc gia khác nhau.
3. Tôi đã gặp rất nhiều người mới ở bữa tiệc có tên mà tôi không thể nhớ được.
4. Tôi đã nói chuyện với một người phụ nữ đã có xe hơi đã bị hỏng trên đường đến bữa tiệc.
5. Tôi đã được giới thiệu với một người đàn ông có anh trai tôi đã xem trên truyền hình tối hôm trước.

**Exercise 3.** Complete the sentences with "which" or "whose". (Hoàn thành câu với từ "which" hoặc "whose".)

**Đáp án:**

1. whose 2. which 3. whose
4. which 5. which

**Hướng dẫn dịch:**

1. Tôi đang làm việc cho một hãng buôn có trụ sở chính ở London.
2. Hãng buôn – thuê 500 nhân viên, làm ra các máy ghi hình.
3. Sếp của tôi, người có công việc đưa ông ấy đến rất nhiều quốc gia khác nhau, đã quyết định rằng ông cần một trợ lý ở London. Và đó là tôi.
4. Tôi chủ yếu làm việc trong ban Tài chính – ban nhỏ nhất trong hãng.
5. Công việc – thứ sẽ tăng lên rất nhiều mỗi dịp sếp đi vắng, luôn luôn thú vị.

**Exercise 4.** Complete the sentences with who, which, where, whose, or that. (Hoàn thành các câu với những từ who, which, where, whose, hoặc that.)

**Đáp án:**

1. where 2. who 3. who 4. which

5. whose 6. who 7. which 8. who

**Hướng dẫn dịch:**

1. Ngôi nhà nơi tôi sinh sống từ hồi còn là một cậu bé hiện đang được tháo dỡ.
2. Ngăn anh ấy lại. Anh ấy chính là kẻ lấy trộm ví của tôi.
3. Có rất nhiều người có cuộc sống bị làm ô nhiễm bởi nhà máy kia.
4. Kia có phải là cái nút mà bạn đã nhấn không?
5. Mọi người ai có hành lý bị thất lạc có thể ở lại đây không?
6. Người đàn ông tôi nhìn thấy tuần **trước** đã nói gì đó hoàn toàn khác biệt.
7. Họ đã chế tạo ra bộ tivi nhỏ như một chiếc đồng hồ.
8. Bà tôi, người phụ nữ phi thường, đã sống đến tuổi 115.

**Exercise 5.** Rewrite the sentences using the relative clauses. Supply the commas where necessary. (Viết lại những câu **sau** sử dụng đại từ quan hệ. Dùng dấu phẩy nếu cần.)

**Example:**

Zedco has ten thousand employees. It is an international company.

Zedco, which has ten thousand employees, is an international company.

**Đáp án:**

1. Vicky whose name was missed off the list wasn't very pleased.
2. The picture which/that Laura painted is being shown in an exhibition.
3. The concert which/that we are all looking forward to is next Saturday.
4. The week which/that Mike and Harriet went camping was the wettest of the year.
5. Aunt Joan, who is a bit deaf, didn't hear the phone.
6. Henry, who you'll meet tomorrow, is also a member of the board.
7. I'll see you near the post office where we met the other day.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Vicky – người có tên bị bỏ lỡ trong danh sách đã rất không hài lòng.
2. Bức tranh mà Laura đã vẽ đang được trưng bày trong một cuộc triển lãm.
3. Buổi hòa nhạc mà **chúng** tôi mong chờ sẽ là thứ Bảy tới.
4. Cái tuần mà Mike và Harriet đi cắm trại là tuần ẩm ướt nhất trong năm.
5. Di Joan, người bị điếc một **chút**, đã không nghe thấy điện thoại.
6. Henry, người mà bạn sẽ gặp ngày mai, cũng là thành viên của hội đồng quản trị.
7. Tôi sẽ gặp bạn gần bưu điện nơi **chúng** ta gặp nhau vào ngày khác.

C. Speaking trang 69 SBT Tiếng Anh lớp 11

**Complete the following dialogue.** (Hoàn thành đoạn hội thoại.)

**Hướng dẫn dịch:**

A: Tôi có thể làm gì cho ngài, thưa ngài?

B: Tôi muốn đăng ký mua tạp chí Hoa Học Trò hàng tuần.

A: Bạn muốn đăng ký tạp chí trong bao lâu?

B: Trong một năm.

A: Bạn muốn lấy tạp chí ở đâu?

B: Tôi muốn lấy tạp chí ở nhà.

A: Xin vui lòng cho xin địa chỉ nhà của ngài được không?

B: Tôi sống ở 102 Trần Hưng Đạo.

A: Ông có thể điền mẫu đơn này không?

B: Tất nhiên. Oh, làm ơn có thể cho tôi mượn bút của bạn được không?

**Đáp án:**

1. What can I do for you, sir?

2. How long would you like to subscribe to the magazine?
3. Where would you like to get the magazine?
4. What is your address?
5. Could you fill this form, please?

**D. Writing trang 69 - 70 SBT Tiếng Anh lớp 11**

Rearrange the clues and write them in the blank to complete the letter below. (Sắp xếp lại các gợi ý và viết **chúng** vào chỗ trống để hoàn thành bức thư dưới đây.)

**Đáp án:**

17 Beeston Road

Nottingham

16th May, 2004

Dear Sir,

I am writing to give some comments on your post office's services.

Firstly, the lobby inside the post office is too cramped and the seats are not enough. We customers often have to stand while waiting for our transactions, causing an unpleasant scene of disorder. Secondly, although the parking area is large, it has no security guards and I sometimes feel insecure leaving my motorcycle there. Furthermore, I think it would be much better if the post office is open until 11 p.m. so that customers can have more access to our services. The last point I would like to comment on is the attitude of some of your staff. Perhaps due to their stressing work, sometimes they seem a bit cold and not very helpful.

I know that what you and your staff have done so far for the development of the post office is encouraging and this letter is written in the hope that your post office will be made a better place.

Yours faithfully,

Do An Due

17 đường Beeston

Nottingham

Ngày 16 tháng 5 năm 2004

**Hướng dẫn dịch:**

Xin chào ngài,

Tôi viết thư để đưa ra một số nhận xét về các dịch vụ bưu điện của bạn.

Thứ nhất, hành lang bên trong bưu điện quá chật chội và chỗ ngồi không đủ. Khách hàng **chúng** tôi thường phải đứng trong khi đợi thực hiện giao dịch, gây ra cảnh sự lộn xộn đầy khó chịu. Thứ hai, mặc dù diện tích bãi đậu xe rộng, nhưng không có nhân viên bảo vệ và đôi khi tôi cảm thấy không an toàn khi để xe máy của tôi ở đó. Hơn nữa, tôi nghĩ sẽ tốt hơn nếu bưu điện mở cửa đến 11 giờ đêm để khách hàng có thể truy cập nhiều hơn vào các dịch vụ của **chúng** tôi. Điểm cuối cùng tôi muốn bình luận là thái độ của một số nhân viên của bạn. Có lẽ do **công** việc áp lực của họ, đôi khi có vẻ hơi lạnh và không hữu ích lắm.

Tôi biết rằng những gì bạn và nhân viên của bạn đã làm cho đến nay cho sự phát triển của bưu điện là đáng khích lệ và bức thư này được viết với hy vọng rằng bưu điện của bạn sẽ được làm ở một địa điểm tốt hơn.

Trân trọng,

Do An Due.